

● TIỂU THUYẾT CÔNG GIÁO



QUỶ XUNG TỘI

Kỳ 49
(tiếp)

MA VĂN LIÊU

(Phần 5c của kỳ 49)

Cổ nhân Á Đông nói: “Chân nhân bất lộ tướng”, nghĩa là bậc thánh hiền, người quân tử... không để lộ diện mạo thật của mình ra bên ngoài; trái lại, tướng tinh của họ đều ẩn giấu thật kín bên trong đến nỗi trông họ dung dị đến tầm thường. Điều đó thể hiện một thứ quy luật tự nhiên của trời đất, của người đời; quy luật ấy là: chẳng ai để của quý, báu vật... lộ thiên ở ngoài đường hoặc ở nơi đông người qua lại, nhưng cất giấu trong nhà hay nơi càng kín càng tốt; ngược lại, những gì càng phơi bày, càng mang tính công cộng càng không có giá trị. Cổ nhân phương Tây có câu: “Sanctus videtur sed non est, sanctus est sed non videtur”, nghĩa là người có vẻ thánh thiện thì không thánh thiện, người thánh thiện thì không ra vẻ thánh thiện. Tại sao? – Thừa sự thánh thiện là báu vật của tâm hồn, tất cũng được bảo vệ và giữ kín theo quy luật trên vừa nói; đồng thời người có “hình” không cần cái bóng (danh tiếng), kẻ không có hình mới khoác cái bóng. Ở mọi lãnh vực của đời sống đều như vậy hết, ví dụ ở lãnh vực nghệ thuật; những kẻ cơ hội, những hạng người thuộc giới “phàm phu tục tử”, những loại con buôn nghệ thuật... luôn tỏ ra mình là nghệ sĩ bằng đủ mọi mách khéo để mua danh chuốc tiếng đoạt lợi... trong khi nghệ sĩ đích thực không cần tỏ ra nghệ sĩ, bởi họ thấu đạt nghệ thuật đến mức bận bịu với nó và có khi phải khổ sở vì nó... giờ đâu cho những chuyện phù phiếm kia, thế là vì người đời không có mắt để phân tỏ thực hư nên nghệ thuật chân chính luôn bị che khuất. Từ đó mà xét, giáo dân Việt Nam ta cũng vì lầm lẫn nên lúc nào cũng “tin đến sái cổ”, “kính đến bái quỳ” những giáo sĩ, tu sĩ tỏ ra đạo đức, đạo mạo, trang nghiêm... trong khi có nhiều giáo dân đáng kính, nhưng vì không khoác lên người dáng vẻ chân tu như họ nên bị xem thường. Lỗi này dẫn đến đa phần giáo dân Việt Nam “tin Chúa nhưng theo giáo sĩ” khiến ở Việt Nam, cái đạo (Công giáo) nhìn đâu cũng chỉ thấy bóng lao xao mà chẳng có hình.

...

Sau cơm chiều, chúng tôi ra ngoài bờ ruộng nói chuyện tiếp. Tôi gợi chuyện trước:

- Xin thầy kể lại chuyện thầy Tư Đạo Tâm qua đời, chuyện về số phận thầy Hai Từ Bảo và các sư sãi ở chùa BS...

Thầy Tám kể:

- Không chôn cất thầy Tư Đạo Tâm bằng mộ phần thông thường bởi lý do quan trọng là thể theo lời căn dặn của thầy Tư Đạo Tâm; còn bởi một lý do khác rất hệ trọng, đó là thầy Lù từ lâu đã hăm he sẽ bắt cho được thầy Tư Đạo Tâm dù sống hay chết để buộc làm âm lệnh thần tướng cho ông ta.

Tôi cắt lời:

- Ủa! Tôi nghĩ... thầy Lù muốn bắt ai... bắt giờ nào... bắt cách nào... chẳng được!

Thầy Tám Thuần Phát cười:

- Huynh nghĩ thì đúng, nhưng huynh lại chẳng ngờ rằng ai đã chịu phép rửa tội, dù xoàng xĩnh cỡ nào cũng đều “khó nuốt” đối với ma quỷ và bè lũ. Còn ai có đức tin bằng cách sống bác ái theo Lời Chúa dù chỉ “chút chút”... thôi, thì ma quỷ đừng hòng bén mảng đến gần. Quá dễ hiểu! Nơi nào có ánh sáng thì đương nhiên không còn bóng tối. Theo tôi thấy: người Công giáo không ý thức giá trị thật của mình... Ôi! Được làm người Công giáo thật là... làm quan cũng không bằng!

Tôi đang còn ngỡ ngàng thì thầy Tám nói tiếp:

- Huynh biết không! Chính vì vậy, thầy Tư Đạo Tâm cứ sờ sờ ra đó, vậy mà bọn âm binh tà tướng của thầy Lù tất thấy đều bắt lặc! Có làm gì được đâu! Dầu vậy khi thầy Tư qua đời, tất cả chúng tôi đều nghĩ nên làm theo lời thầy Tư và xét cho cùng, “cần tắc vô ưu”, cần thận thì không phải lo lắng, chẳng nên làm điều gì khác hơn lời thầy mình dạy khi chung quanh hàng ngàn âm binh tà tướng luôn vây hãm và rình rập để mưu toan tác hại.

Thầy Tám kể luôn:

- Sau khi thầy Hai Từ Bảo cùng các thầy trò huynh đệ bên dưới đồng tâm nhất trí “theo Chúa” bằng cách dùng lòng ước ao để được rửa tội đúng như thầy Tư dạy, ngay đêm đó chùa BS phát hỏa trong lúc mọi người đang ngủ say; trong phút chốc ngôi chùa đẹp đẽ bỗng trở nên hoang tàn như một đồng tro; rất may không ai bị làm sao!

Tôi hỏi ngay:

- Có phải bị thầy Lù và lâu la của ông đốt cháy không? Thầy Hai Từ Bảo và mọi người có sợ hãi, có nản lòng không?

Thầy Tám gật đầu;

- Cho đến tận hôm nay, tôi không thể nghĩ khác hơn.

Thầy Tám quả quyết:

- Sợ thì có, Nản thì không. Ngược lại, niềm tin và chí quyết theo Chúa của họ càng nung nấu đến mức mạnh mẽ hơn do sự kiện cháy chùa nói lên điều gì đó. Sự thể như thế này. Sau khi nghe tôi báo tin thầy Tư mất, thầy Hai Từ Bảo và mọi người đến tiễn biệt thầy Tư lần cuối và bàn việc an táng. Mọi người nghe tôi thuật lại lời dặn của thầy Tư xong, thầy Hai Từ Bảo phát biểu: “Được thầy Tư hướng dẫn và đưa anh em chúng tôi theo Chúa, chúng tôi sung sướng vô cùng. Khi về chùa, tôi tập họp mọi người lên chánh điện nhiều lần, khi thì để nói lời từ giã với Phật tổ và với Ân sư đức Phật Thầy Tây An; khi thì xin phép lên đường theo Chúa; lúc lại xin phép dời các chư linh vào nội điện, thay vào đó là cây thánh giá do chính chúng tôi tạo nên, trên thánh giá có treo chuỗi tràng hạt do thầy Tư để lại; chẳng biết làm gì hơn chúng tôi cứ thì thụp lạy cây thánh giá và kêu xin Chúa đưa đường dẫn lối cho được đi theo Người; nói thì ít mà lạy thì nhiều. Đêm đó tôi rất khó ngủ, cứ nằm trằn trọc với nhiều cảm xúc khó tả, vui rất nhiều mà lo sợ cũng không ít. Vui vì lâu nay nhận thấy đường tu như không có ánh sáng ở cuối đường hầm, bây giờ đã khai thông; lo sợ vì không biết rồi đây có còn làm đường lạc lối lần nào nữa khi đi con đường mới này hay không. Suy nghĩ tới lui rồi cũng thiếp đi. Khi tôi thiếp đi bỗng thấy trong cơn mơ rõ như hiện thực, một bóng trắng từ ngoài chánh điện tiến vào buồng riêng đến sát chân giường nơi tôi nằm ngủ; khi còn cách giường độ một thước ta thì dừng lại; bóng ấy chẳng phải ai khác, chính là Tiên Khùng...” (1).

Thầy Tám dừng thuật lời thầy Hai Từ Bảo để nói về Tiên Khùng:

- Tiên Khùng là một ông già râu tóc dài bạc trắng; đặc biệt ông sống trên núi này đã lâu mà chẳng ai biết được tên, tuổi. Tiên Khùng là tên người dân đặt cho ông với nhiều ngụ ý. Chữ “Tiên” ngụ ý ông là người vừa hiền lành, yêu thương và sẵn lòng giúp đỡ mọi người nhất là ai gặp nguy nan khốn khó - người ta dặn nhau: gặp chi bất trắc cứ la lớn lên vài tiếng: “Tiên Khùng ơi!” là có mặt ông ngay-, lại vừa ngụ ý ông ta sống trên các cành cây cao của cổ thụ; chữ “Khùng” ngụ ý ông là người có những hành động khác lạ đến kỳ bí không thể hiểu nổi ví dụ kỳ bí là không ăn uống, nhưng hễ đã ăn thì sức ăn bằng ba bốn người đàn ông khỏe mạnh; kỳ bí nữa là chữa bệnh bằng cách xem mạch định bệnh rồi chữa ngay bằng cách nhai bất kỳ lá cây gì quanh đó, nhai ngấu nghiến đến như rồi phun vào vết thương hay chỗ đau... thế mà nhiều bệnh nhân đã được chữa khỏi; kỳ bí hơn nữa là ông Tiên Khùng không bao giờ bị thú dữ làm hại, ngược lại, mọi thú dữ ở núi này hình như đều xem ông là bạn; có hai bằng chứng: một là có một nơi trên núi đặc biệt nguy hiểm đến nỗi mọi thợ săn thiện nghệ khi nghe nhắc đến địa danh đều tỏ vẻ kính nể và có thưởng vàng bạc châu báu đến bao nhiêu cũng không dám bén mảng đến đó; nơi đó gọi là vực Kỳ

không; tương truyền nơi đây có bầy kỳ nhông to lớn và cực kỳ hung hãn; thế nhưng đó lại là chỗ ông Tiên Khùng hay lui tới như ngôi nhà của mình; hai là những người thợ săn thuật đi thuật lại mới cả miệng chuyện Tiên Khùng một lần nọ đã can gián hai con mãnh thú đánh nhau suốt vài ngày không phân thắng bại, cuối cùng qua sự can gián của ông, con hạm bỏ đi, con cạp dừ ở lại nằm phục dưới chân ông ngoan ngoãn như một con mèo nhà.

Khi thấy tôi không thắc mắc gì thêm, thầy Tâm Thuận Phát thuật tiếp theo lời kể của thầy Hai Từ Bảo:

- Thầy Hai Từ Bảo kể tiếp: “Tiên Khùng cầm một cây gậy dài, vừa đập đập vào chân tôi vừa nói: “Đứng rồi nghe! Đứng rồi nghe! Cứ như vậy nghe! Sáng mai hãy rời khỏi đây ngay đi! Ở lại tao không giúp được gì đâu!” Khi thấy tôi còn ú ớ, Tiên Khùng lặp lại nguyên văn lần nữa. Sau đó vừa đi ra ngoài theo lối hậu điện trở xuống bếp, Tiên Khùng vừa lặp đi lặp lại cũng những lời vừa nói. Thực sự thì tôi không hiểu gì, chỉ nghĩ Tiên Khùng chọc ghẹo lang bang vì lần nào gặp ông ấy, tôi cũng bị ông ấy chọc ghẹo vui vẻ. Nào hay! Đêm hôm sau mọi người đang ngủ, lửa bỗng phực cháy thiêu rụi cả chùa mà không biết rõ bởi nguyên cớ gì. Tôi và thầy Ba Tâm Nguyên – một sư lớn tuổi- là hai người tỉnh ngủ, thế mà đêm ấy cả hai chúng tôi đều ngủ say như chết, nếu không có con chó mực cắn áo lôi dậy thì chúng tôi nay đã về với ông bà. Tôi tỉnh dậy trong kinh hoàng, chạy vội đánh thức tất cả mọi người để cùng vợ vét chút ít đồ đạc kịp thời vùng chạy thoát ra ngoài; khi vừa ra đến ngoài sân thì mái chùa đổ sập xuống tơi tả. Hú vía! Lúc đầu phần lớn trong anh em đều kêu trách vì chúng tôi bội phản mà ra nông nổi, nhưng sau đó, mọi người dần ngộ ra một điều: đó là tai ương này hình như là một dấu hiệu cho chúng tôi biết quyết định “theo Chúa” của chúng tôi có một tác lực nào đó; có thể tác lực đó làm cho quỷ ma căm giận; điều gì khiến cho quỷ ma căm giận chắc chắn phải là điều tốt, điều đúng hay việc lành”.

Tôi hỏi thầy Tâm:

- Lúc chùa BS đang cháy, thầy ở đâu và làm gì?

Thầy Tâm từ từ kể:

- Sau khi lấp đầy bong cây bằng đất và đá để làm mộ phần cho thầy Tu, tôi về chùa với thầy Hai Từ Bảo. Tuy nhiên tôi không ở lại đó lâu, vì mơ hồ nghĩ rằng, nơi này không còn là nơi tu của tôi, nếu muốn tu bên Công giáo, tôi phải xuống núi và phải làm gì đó; vì tôi biết tu hành bên Công giáo rất đa dạng, đâu hề mặc tu phục mới là tu! Tôi cũng nghĩ mình không nên gặp sư phụ Lù; và lại tôi còn đang đau đớn lắm vì 6 vết roi mới lành phạt... Tôi ra ở một mình trong hốc núi cách xa chùa BS một quãng độ trăm thước để ngâm nghe ngóng, chờ tin của sư phụ là thầy Hai Từ Bảo, các thầy và quý huynh đệ... rồi dựa vào đó mà tính tiếp...

Tôi hỏi:

- Và lúc nào thầy mới biết chùa bị đốt cháy?

- Đêm ấy đang ngủ, tôi bỗng giật mình tỉnh giấc và nhìn ra thấy sáng rực một góc trời; định tâm kỹ thì thấy đám cháy ở hướng chùa BS, kèm theo là những tiếng nổ của những vật gia dụng và cây gỗ quý. Tôi chạy ngay đến và nhập đoàn với thầy Hai, các thầy và quý huynh đệ. Buổi sáng chúng tôi xuống núi với dự định sẽ nhắm hướng đi tìm cha T, Tuy nhiên chúng tôi không đi được xa, tất cả đều bị lực lượng cảnh sát áo trắng phối hợp với cảnh sát dã chiến bắt giữ với lý do chúng tôi là những nghi phạm VC đêm vừa qua đã đốt chùa BS để gây rối. Sau 2 ngày, thầy Hai Từ Bảo và các thầy vẫn cứ bị giam giữ tiếp để bị điều tra thêm, còn 6 huynh đệ trẻ trong đó có tôi bị đưa đi tra xét rất gắt gao; sau cùng khi đã xác định chúng tôi là những tu sĩ, chúng tôi được cấp giấy tờ và hoàn tất mọi thủ tục tại Phòng Tuyển mộ Nhập ngũ Quân vụ thị trấn CĐ, rồi được chỉ định lên xe GMC đến Trung Tâm Huấn luyện Quang Trung. Sau 3 tháng quân trường, 6 huynh đệ đành phải chia tay nhau mỗi người về một đơn vị khác nhau; riêng tôi về lực lượng Địa phương quân đóng ở quận CT. Ở quân ngũ không bao lâu thì đất nước thống nhất, tôi gom hết số lương lính dành dụm rồi trở về đây nhanh chóng mua ngay vài công (sào) ruộng trước khi có lệnh đổi tiền lần thứ nhất; nhờ thế mà cuộc sống ổn định dần cho đến hôm nay.

Tôi hỏi:

- Sau chiến tranh, thầy có gặp lại thầy Hai Từ Bảo và các thầy hoặc một huynh đệ nào đó... hay không?

- Không! Hoàn toàn không! Và tôi nghĩ chẳng có cách gì liên lạc được với nhau, nhất là khi tôi thu mình vào một nơi heo hút “chó ăn đá gà ăn sỏi” như thế này. Tuy nhiên, tôi rất tin tưởng vào sự an bài của Chúa, điều gì Chúa cần thì Người sẽ sắp đặt.

- Thầy nghĩ rằng mình đã được yên ổn chưa với thầy Lù, vì dù sao đó cũng là cha nuôi rất có công với thầy?

Thầy Tâm suy nghĩ một lúc, rồi trả lời cách rất khó khăn:

- Hằng đêm khi giấc ngủ chưa đến, tôi vẫn nghĩ đến thầy Lù, vừa là cha nuôi vừa là sư phụ của tôi... Tôi nghĩ: bỏ ông để theo thầy khác là phản bội, nhưng bỏ ông để theo Chúa thì không phải là hành động vong ân bội nghĩa... Tôi rất yên tâm về điều ấy; nhưng 6 vết roi trên lưng vẫn cứ làm tôi có chút lo sợ.

Nói đến đây thầy Tâm thở dài rồi tâm sự:

- Trả ơn thầy là bổn phận thiêng liêng. Nhưng bởi vì không biết làm sao để đền ơn nên tôi dâng hết nỗi niềm cho Chúa và cầu nguyện cho ông hằng ngày.

Tôi thắc mắc:

- Chẳng lẽ thầy phải mang những vết roi này suốt đời hay sao? Thầy có tin một ngày nào đó các vết roi ấy sẽ tan biến không?

Thầy Tâm lắc đầu:

- Tôi tin ngày nào đó chúng sẽ tan biến, vì so với ngày trước, hôm nay chúng “lành” hơn nhiều. Tuy nhiên đau khổ có cái hay, bởi vì lời cầu nguyện của kẻ đau khổ có sức mạnh hơn lời cầu nguyện của kẻ bình an hạnh phúc... giống như của lễ của người nghèo, người khổ đau, người thấp mọn... giá trị hơn của lễ của kẻ giàu, kẻ hanh thông, kẻ quyền thế. Cái lễ đời nhiều khi nó “giản đơn đến khó thấy!” như vậy đó; suy ra ai sống bác ái, Chúa sẽ nhậm lời; ai khiêm tốn hiền lành, Chúa sẽ bệnh đỡ...

Nghe đến đây, bỗng chợt hiểu, tôi liền chen thêm:

- Kẻ bị chê là dại khờ sẽ được Chúa tỏ hiện và đích thân Người dạy dỗ... đúng không! Lễ đời chính là lễ Trời: Trời Đất luôn nghiêng về người yếu hèn thấp bé giống như cha mẹ suốt ngày cứ để mắt đến đứa con ốm đau, không may hay tật bệnh.

Thầy Tâm kết luận:

- Thế mà ai cũng muốn “lớn hình lớn tiếng”... Khổ vậy!

Hai anh em choàng tay qua vai nhau rồi cười ngất cho cái nỗi khờ dại của người đời.

(chấm dứt kỳ 49, sẽ tiếp kỳ 50 trong số tới)

(1) Người dân vùng này thường đổ đôn nhau rằng trên núi Cẩm có một ông tiên luôn giúp đỡ người khốn khó. Người ta còn thêu dệt lắm chuyện thần kỳ về dáng dấp “tiên phong đạo cốt”, về tài phép “hồ phong hoá vũ” và về lòng nhân ái cao vời của ông tiên; tất cả những lời đồn đại trên không phải hoàn toàn vô căn cứ, mà dựa trên nhân vật có thật biệt danh là Tiên Khùng để thêu dệt thêm, “thêm mắm dặm muối”, “có ít xich ra nhiều” bằng trí tưởng tượng phong phú và bằng niềm hy vọng về sự bình an, hạnh phúc, mạnh khỏe... của người bình dân.